BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
ĐẠI HỌC PHENIKAA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 916 /ĐHP-ĐT
V/v thông báo tuyển sinh đào tạo bác sĩ nội trú năm 2026

Hà Nội, ngày 30 tháng 9 năm 2026

SỞ Y TẾ TP. ĐỒNG NAI
ĐẾN Số: 51038
Ngày: 15/10/2026
Chuyển:
Lưu hồ sơ số:

Kính gửi: - Sở Y tế các tỉnh, thành phố;
- Các trường đại học, học viện đào tạo khối ngành sức khỏe.

Căn cứ Quyết định số 2209/QĐ-BYT ngày 21/07/2026 của Bộ Y tế về việc giao nhiệm vụ đào tạo bác sĩ nội trú chuyên ngành Nội khoa, chuyên ngành Y học cổ truyền, chuyên ngành Răng Hàm Mặt cho Đại học Phenikaa.

Căn cứ Quyết định số 2867/QĐ-BYT ngày 09/09/2026 của Bộ Y tế về việc giao nhiệm vụ đào tạo bác sĩ nội trú chuyên ngành Ngoại khoa, chuyên ngành Sản phụ khoa, chuyên ngành Chẩn đoán hình ảnh cho Đại học Phenikaa

Đại học Phenikaa đã ban hành Thông báo số 421/TB-ĐHP-ĐT ngày 10/9/2026 về việc tuyển sinh đào tạo bác sĩ nội trú năm 2026 với 06 chuyên ngành: Nội khoa, Răng Hàm Mặt, Y học cổ truyền, Ngoại khoa, Sản phụ khoa và Chẩn đoán hình ảnh. Thời gian nhận hồ sơ đăng ký dự tuyển từ ngày 10/9/2026 đến ngày 31/10/2026; thời gian thi tuyển dự kiến từ ngày 11/12/2026 đến ngày 13/12/2026.

Để thông tin tuyển sinh được phổ biến kịp thời đến các ứng viên có nhu cầu, Đại học Phenikaa kính đề nghị Sở Y tế các tỉnh, thành phố quan tâm, phối hợp, cung cấp thông tin tuyển sinh đào tạo Bác sĩ nội trú năm 2026 của Đại học Phenikaa đến các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh và các đơn vị trực thuộc.

Đối với các trường đại học, học viện đào tạo khối ngành sức khỏe, kính đề nghị Quý đơn vị quan tâm phổ biến thông tin tuyển sinh đến sinh viên tốt nghiệp năm 2026 và các ứng viên quan tâm tham gia dự tuyển.

Thông tin chi tiết về chỉ tiêu, điều kiện dự tuyển, phương thức tuyển sinh, các môn thi, hồ sơ đăng ký dự tuyển chi tiết theo Thông báo số 421/TB-ĐHP-ĐT ngày 10/9/2026 của Đại học Phenikaa gửi kèm Công văn này.

Thông tin liên hệ: Phòng Đào tạo Sau đại học - Ban Đào tạo, tầng 4, nhà A9, Đại học Phenikaa, đường Nguyễn Trác, P. Dương Nội, TP. Hà Nội; Điện thoại: 0983 811 010; Email: sdh@phenikaa-uni.edu.vn.

Đại học Phenikaa trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- GĐ, PGĐ Đại học (để b/c)
- Lưu: VT, ĐT.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

ĐẠI HỌC PHENIKAA

GS.TS. Phạm Thành Huy



BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO **ĐẠI HỌC PHENIKAA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 421/TB-ĐHP-ĐT	*Hà Nội, ngày 10 tháng 09 năm 2026*

THÔNG BÁO

Tuyển sinh đào tạo Bác sĩ nội trú năm 2026

Căn cứ Quyết định số 2209/QĐ-BYT ngày 21/07/2026 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc giao nhiệm vụ đào tạo bác sĩ nội trú chuyên ngành Nội khoa, chuyên ngành Y học cổ truyền, chuyên ngành Răng Hàm Mặt cho Đại học Phenikaa;

Căn cứ Quyết định số 2867/QĐ-BYT ngày 09/09/2026 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc giao nhiệm vụ đào tạo bác sĩ nội trú chuyên ngành Ngoại khoa, chuyên ngành Sản phụ khoa, chuyên ngành Chẩn đoán hình ảnh cho Đại học Phenikaa;

Căn cứ Quyết định số 3128/QĐ-ĐHP-ĐT ngày 06/8/2026 của Giám đốc Đại học Phenikaa về việc ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo Bác sĩ nội trú của Đại học Phenikaa;

Căn cứ Quyết định số 3586/QĐ-ĐHP-ĐT ngày 10/09/2026 của Giám đốc Đại học Phenikaa về việc ban hành Đề án tuyển sinh Bác sĩ nội trú năm 2026.

Đại học Phenikaa thông báo tuyển sinh đào tạo trình độ Bác sĩ nội trú năm 2026, cụ thể như sau:

1. Ngành/chuyên ngành và chỉ tiêu tuyển sinh, học phí

TT	Tên chuyên ngành	Mã ngành/ chuyên ngành	Chỉ tiêu	Học phí (đồng/năm)	Thời gian đào tạo
1	Nội khoa	NT 62 72 20 50	10	100.000.000	03 năm
2	Răng Hàm Mặt	NT 62 72 28 01	8	120.000.000	03 năm
3	Y học cổ truyền	NT 62 72 60 01	16	95.000.000	03 năm
4	Ngoại khoa	NT 62 72 07 50	4	100.000.000	03 năm
5	Sản phụ khoa	NT 62 72 13 01	5	100.000.000	03 năm
6	Chẩn đoán hình ảnh	NT 62 72 05 01	5	100.000.000	03 năm

2. Hình thức đào tạo và thời gian đào tạo

- Hình thức đào tạo: chính quy.
- Thời gian đào tạo: tập trung 3 năm.

3. Phương thức tuyển sinh

Hình thức tuyển sinh: Thi tuyển

4. Điều kiện dự thi, các môn thi tuyển

4.1. Điều kiện dự thi

Thí sinh có bằng tốt nghiệp đại học thuộc ngành tương ứng với ngành/chuyên ngành dự thi, hệ chính quy, năm 2026 và đạt từ loại Khá trở lên. Trong các năm học đại học không bị kỷ luật từ cảnh cáo trở lên, không bị dừng học tập (trừ lý do sức khỏe). Riêng đối với ứng viên đăng ký dự thi chuyên ngành Răng Hàm Mặt cần điều kiện không có học phần nào phải học lại (thi lại). Cụ thể:

TT	Tên chuyên ngành đăng ký tuyển sinh	Mã ngành/ chuyên ngành	Tốt nghiệp đại học ngành ngành tương ứng
1	Nội khoa	NT 62 72 20 50	Y khoa (mã ngành: 7720101)

TT	Tên chuyên ngành đăng ký tuyển sinh	Mã ngành/ chuyên ngành	Tốt nghiệp đại học ngành ngành tương ứng
2	Răng Hàm Mặt	NT 62 72 28 01	Răng - Hàm - Mặt (mã ngành: 7720501)
3	Y học cổ truyền	NT 62 72 60 01	Y học cổ truyền (mã ngành: 7720115)
4	Ngoại khoa	NT 62 72 07 50	Y khoa (mã ngành: 7720101)
5	Sản phụ khoa	NT 62 72 13 01	Y khoa (mã ngành: 7720101)
6	Chẩn đoán hình ảnh	NT 62 72 05 01	Y khoa (mã ngành: 7720101)

Học viên tốt nghiệp đại học đạt loại xuất sắc, nếu có đủ điều kiện nêu trên được xét miễn thi tuyển.

4.2. Các môn thi tuyển

TT	Ngành/ Chuyên ngành	Các môn chung		Các môn riêng (môn chuyên ngành)	
		Môn thi số 1 (Ngoại ngữ)*	Môn thi số 2 (Cơ sở)	Môn thi số 3 (Chuyên ngành chính)	Môn thi số 4
1	Nội khoa	Ngoại ngữ	Sinh lý	Nội khoa	Nhi khoa
2	Răng Hàm Mặt	Ngoại ngữ	Giải phẫu	Nha khoa	Phẫu thuật miệng và Hàm mặt
3	Y học cổ truyền	Ngoại ngữ	Sinh lý	Y học cổ truyền cơ sở	Bệnh học y học cổ truyền
4	Ngoại khoa	Ngoại ngữ	Giải phẫu	Ngoại khoa	Sản khoa
5	Sản phụ khoa	Ngoại ngữ	Giải phẫu	Sản khoa	Ngoại khoa
6	Chẩn đoán hình ảnh	Ngoại ngữ	Giải phẫu	Ngoại khoa	Sản khoa

Thời gian làm bài thi:

- Môn thi số 1 (ngoại ngữ): thời gian làm bài, hình thức thi theo quy định chung đối với từng kỹ năng.

- Các môn thi số 2, 3, 4: 180 phút/môn thi (hình thức thi: tự luận).

(*) Môn thi số 1 - môn ngoại ngữ được quy định như sau:

Thí sinh chọn thi tiếng Anh hoặc tiếng Trung do Đại học Phenikaa tổ chức thi.

Thí sinh được miễn thi ngoại ngữ nếu có năng lực ngoại ngữ từ bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam còn thời hạn 2 năm tính từ ngày cấp đến ngày đăng ký dự tuyển. (Riêng chuyên ngành Răng Hàm Mặt gồm các ngoại ngữ: tiếng Anh, tiếng Pháp, tiếng Nga, tiếng Trung Quốc);

Năng lực ngoại ngữ đủ điều kiện được miễn, cần được minh chứng bằng một trong các loại văn bằng, chứng chỉ sau:

- Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành ngôn ngữ nước ngoài; hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên mà chương trình được thực hiện chủ yếu bằng ngôn ngữ nước ngoài (Ngôn ngữ nước ngoài áp dụng tại nội dung này là ngôn ngữ quy định tại Phụ lục 1);

- Một trong các văn bằng hoặc chứng chỉ ngoại ngữ đạt trình độ tương đương bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (Phụ lục 1) hoặc các chứng chỉ tương đương khác do Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố, còn hiệu lực trong thời hạn 02 năm tính từ ngày cấp đến ngày đăng ký dự tuyển.

4.3. Điều kiện trúng tuyển

Thí sinh được xét trúng tuyển nếu đáp ứng đồng thời các điều kiện dưới đây:

- Đối tượng dự thi ngoại ngữ: Kết quả thi phải đạt trình độ tương đương từ bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

- Điểm xét trúng tuyển là tổng điểm các môn thi, không tính môn ngoại ngữ (môn thi số 1), không tính điểm ưu tiên. Điểm các môn thi đều phải đạt từ 5 trở lên (theo thang điểm 10) và điểm môn chuyên ngành đạt từ 7 điểm trở lên. Kết quả trúng tuyển được xét từ cao xuống thấp đến khi đủ chỉ tiêu đã công bố, làm tròn đến 1 chữ số thập phân.

Trường hợp ứng viên có tổng điểm bằng nhau thì xét các tiêu chí lần lượt như sau:

- Điểm môn chuyên ngành chính cao hơn.
- Điểm 2 môn chuyên ngành cao hơn.
- Điểm trung bình toàn khóa đại học cao hơn.
- Điểm/năng lực ngoại ngữ cao hơn.

5. Kế hoạch tuyển sinh

- Thời gian nhận hồ sơ: từ ngày 10/09/2026 – 31/10/2026
- Thi tuyển (dự kiến): 11-13/12/2026
- Công bố kết quả tuyển sinh (dự kiến): sau ngày thi tuyển tối đa 01 tuần.
- Thời gian phúc khảo: Trong vòng 1 tuần kể từ khi công bố kết quả thi.
- Thời gian nhập học (dự kiến): 28-30/12/2026.

Ghi chú: Lịch thi tuyển chính thức và danh sách thí sinh sẽ được đăng trên website của Đại học Phenikaa trước ngày thi tuyển 01 tuần.

6. Lệ phí tuyển sinh

- Lệ phí thi tuyển: 850.000 đồng/hồ sơ

- Hình thức, thời gian nộp lệ phí: Người dự tuyển nộp lệ phí khi nộp hồ sơ đăng ký dự tuyển bằng hình thức chuyển khoản tài khoản của Nhà trường như sau:

- Đơn vị thụ hưởng: Đại học Phenikaa
- Số tài khoản: 0031100678007 - Ngân hàng TMCP Quân Đội (MB). Chi nhánh Hoàng Quốc Việt.
- Nội dung nộp tiền: Số CCCD HọvàTên LPTS.BSNT

Ví dụ: Người dự tuyển Nguyễn Vân Anh nộp lệ phí tuyển sinh ghi:

112233445566 NguyenVanAnh LPTS.BSNT

- Lệ phí phúc khảo: 500.000 đồng/môn thi.

7. Đăng ký dự tuyển

7.1. Hồ sơ dự tuyển

Hồ sơ dự tuyển Bác sĩ nội trú (biểu mẫu được đăng trên website của Đại học Phenikaa https://www.phenikaa-uni.edu.vn) bao gồm:

- Phiếu đăng ký dự thi ghi rõ chuyên ngành đăng ký, môn ngoại ngữ dự thi *(Mẫu 01-BSNT);*
- Sơ yếu lý lịch có xác nhận của trường đại học;
- Bản sao giấy khai sinh;
- Giấy chứng nhận sức khỏe có dán ảnh (Theo thông tư 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh), trong thời hạn 6 tháng tính đến ngày nộp hồ sơ;
- 04 ảnh 3x4 (chụp không quá 6 tháng, ghi rõ họ tên, ngày tháng năm sinh, chuyên ngành đăng ký vào mặt sau ảnh, ảnh để trong phong bì);
- Bản sao bằng tốt nghiệp và bảng điểm đại học (công chứng);
- Chứng chỉ, văn bằng ngoại ngữ (nếu có, công chứng);
- Bản sao công chứng CCCD.

Tất cả hồ sơ trên được để trong 1 túi hồ sơ, bên ngoài có dán bìa hồ sơ *(Mẫu 00-BSNT)*.

7.2. Địa điểm và hình thức nộp hồ sơ tuyển sinh

- Nộp trực tiếp: Phòng Đào tạo Sau đại học, tầng 4, Nhà A9, Đại học Phenikaa, đường Nguyễn Trác, Phường Dương Nội, TP. Hà Nội.

- Nộp hồ sơ online: Người dự tuyển có thể gửi bản scan toàn bộ hồ sơ vào địa chỉ email: sdh@phenikaa-uni.edu.vn (tiêu đề ghi: "Họ tên_BSNT_Ngành/chuyên ngành đăng ký dự tuyển"). Thí sinh dự tuyển phải nộp hồ sơ dự tuyển bản cứng về Phòng Đào tạo Sau đại học - Ban Đào tạo trước ngày thi tuyển 30 ngày làm việc.

8. Chính sách ưu đãi và hỗ trợ học phí

- Miễn 30% học phí toàn khóa học (thời gian đào tạo chuẩn) đối với các chuyên ngành đào tạo Bác sĩ nội trú tuyển sinh năm 2026.

- Được ký Hợp đồng lao động, đóng BHXH, BHYT, hưởng lương mức bảo hiểm xã hội với những học viên cam kết làm việc lâu dài tại Trường Y - Dược Phenikaa, Bệnh viện Phenikaa.

THÔNG TIN CHI TIẾT LIÊN HỆ

- Địa chỉ: Phòng Đào tạo Sau đại học, tầng 4, Nhà A9, Đại học Phenikaa, đường Nguyễn Trác, Phường Dương Nội, TP. Hà Nội.

- Điện thoại: 0983 81 1010.

- Email: sdh@phenikaa-uni.edu.vn.

Nơi nhận:
- HĐĐH (để b/cáo);
- BLĐ (để c/đạo);
- Các Trường/Phòng/Ban/Khoa liên quan (để p/hợp, t/hiện);
- các cơ quan, đơn vị;
-Lưu: VT, ĐT.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

ĐẠI HỌC PHENIKAA

GS.TS. Phạm Thành Huy

PHỤ LỤC 1

(Kèm theo Thông báo số 421 /TB-ĐHP-ĐT ngày 10 tháng 09 năm 2026 của Giám đốc Đại học Phenikaa)

1. Bảng tham chiếu quy đổi một số văn bằng hoặc chứng chỉ Tiếng Anh/tiếng nước ngoài tương đương bậc 3 và bậc 4 Khung năng lực Ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

TT	Ngôn ngữ	Chứng chỉ /Văn bằng	Trình độ/Thang điểm Tương đương Bậc 3	Trình độ/Thang điểm Tương đương Bậc 4
1	Tiếng Anh	TOEFL iBT (*Không chấp nhận chứng chỉ TOEFL iBT thi trực tuyến Home Edition*)	30-45	46-93
		TOEFL ITP	450-499	
		IELTS	4.0-5.0	5.5-6.5
		Cambridge Assessment English	B1 Preliminary/B1 Business Preliminary/ Linguaskill. Thang điểm: 140-159	B2 First/ B2 Business Vantage/ Linguaskill. Thang điểm: 160 - 179
		TOEIC (4 kỹ năng)	Nghe: 275-399; Đọc: 275-384; Nói: 120-159; Viết: 120-149	Nghe: 400-489; Đọc: 385-454; Nói: 160-179; Viết: 150-179
		Aptis ESOL International Certificate	B1	B2
		PTE Academic (Pearson Test of English Academic)	43-58	59-75
		PEIC (Pearson English International Certificate)	Level 2	Level 3
		VEPT (Versant English Placement Test)	43-66	
2	Tiếng Pháp	CIEP/Alliance française diplomas	TCF: 300-399; Văn bằng DELF B1; Diplôme de Langue	TCF: 400-499 Văn bằng DELF B2 Diplôme de Langue

TT	Ngôn ngữ	Chứng chỉ /Văn bằng	Trình độ/Thang điểm Tương đương Bậc 3	Trình độ/Thang điểm Tương đương Bậc 4
3	Tiếng Đức	Goethe - Institut	Goethe-Zertifikat B1	Goethe-Zertifikat B2
		The German TestDaF language certificate	TestDaF Bậc 3 (TDN 3)	TestDaF Bậc 4 (TDN 4)
4	Tiếng Trung Quốc	Hanyu Shuiping Kaoshi (HSK)	HSK Bậc 3 (4 kỹ năng)	HSK Bậc 4 (4 kỹ năng)
5	Tiếng Nhật	Japanese Language Proficiency Test (JLPT)	N4	N3
6	Tiếng Hàn	Test of Proficiency in Korean (TOPIK)	TOPIK 3	TOPIK 4
7	Tiếng Nga	ТРКИ - Тест по русскому языку как иностранному (TORFL – Test of Russian as a Foreign Language)	ТРКИ-1	ТРКИ-2

*** Ghi chú:** Danh sách các đơn vị liên kết thi cấp chứng chỉ năng lực ngoại ngữ của nước ngoài tại Việt Nam được Bộ Giáo dục và Đào tạo phê duyệt (Danh sách cơ sở được phê duyệt liên kết tổ chức thi cấp chứng chỉ được cập nhật trên trang thông tin điện tử của Bộ Giáo dục và Đào tạo (Cục Quản lý chất lượng) tại địa chỉ: http://vqa.moet.gov.vn

2. Danh sách các đơn vị tổ chức thi đánh giá năng lực tiếng Anh theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (theo thông báo của Cục Quản lý chất lượng, Bộ Giáo dục và Đào tạo; Dữ liệu cập nhật đến tháng 04/2025).

STT	Tên đơn vị
1	Trường Đại học Sư phạm TP. Hồ Chí Minh
2	Trường Đại học Ngoại ngữ (Đại học Huế)
3	Trường Đại học Ngoại ngữ (Đại học Quốc gia Hà Nội)
4	Trường Đại học Ngoại ngữ (Đại học Đà Nẵng)
5	Đại học Thái Nguyên
6	Trường Đại học Cần Thơ
7	Trường Đại học Hà Nội
8	Trường Đại học Sư phạm Hà Nội
9	Trường Đại học Vinh
10	Trường Đại học Sài Gòn
11	Trường Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh

STT	Tên đơn vị
12	Trường Đại học Trà Vinh
13	Trường Đại học Văn Lang
14	Trường Đại học Quy Nhơn
15	Trường Đại học Tây Nguyên
16	Học viện An ninh Nhân dân
17	Học viện Báo chí Tuyên truyền
18	Trường Đại học Công nghiệp thực phẩm TP. HCM
19	Trường Đại học Thương mại
20	Học viện Khoa học Quân sự
21	Trường Đại học Kinh tế - Tài chính TP.HCM
22	Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn (Đại học Quốc gia TP. HCM)
23	Học viện Cảnh sát Nhân dân
24	Đại học Bách Khoa Hà Nội
25	Trường Đại học Nam Cần Thơ
26	Trường Đại học Ngoại thương
27	Trường Đại học Công nghiệp TP. HCM
28	Trường Đại học Kinh tế quốc dân
29	Trường Đại học Kinh tế TP. HCM
30	Trường Đại học Lạc Hồng
31	Trường Đại học Đồng Tháp
32	Trường Đại học Duy Tân
33	Trường Đại học Phenikaa
34	Học viện Ngân hàng
35	Trường Đại học Tài chính – Marketing
36	Trường Đại học Thành Đông
37	Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh
38	Trường Đại học Quốc tế Hồng Bàng